TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DMC** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16-7-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DMC - TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Tòng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Đào;

2. Bà Bùi Thị Hải Đường.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Quốc Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện DMC.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện DMC tham gia phiên tòa*:** Bà Lâm Phượng Tú.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện DMC, Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 655/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXX–ST ngày 12 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh năm: 1979; nơi ĐKHKTT: Tổ 8, ấp 3, xã BC, Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cư trú: Số nhà 85, ấp LT, xã LTB, huyện HT, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Trần Đình L, sinh năm: 1974; địa chỉ cư trú: Tổ 8, ấp 3, xã BC, Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25-11-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Th trình bày:

Chị và anh L chung sống với nhau năm 1999, năm 2003 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BC, Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh. Từ năm 2011 khi chị sinh người con thứ hai thì anh L sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở thị xã Hòa Thành cho đến nay; anh L cũng không liên lạc, không đến thăm con. Nay

chị yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có con chung Trần Anh K, sinh ngày 13-02-2000 và Trần Diệu A, sinh ngày 06-3-2011; hiện đang sống cùng với chị.

Con chung Trần Anh K đã thành niên, tự lao động sinh sống được, chị không yêu cầu giải quyết. Chị yêu cầu được nuôi con chung Trần Diệu A, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện DMC tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Riêng đối với anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do xem như từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc Th đối với anh Trần Đình L; giao con chung Trần Diệu A, sinh ngày 06-3-2011 cho chị Th nuôi dưỡng, ghi nhận chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, con chung Trần Anh K, sinh ngày 13-02-2000 đã thành niên tự lao động sinh sống nên không đặt ra giải quyết; tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị Ngọc Th là nguyên đơn, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng anh Trần Đình L cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng, áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L. Anh L không thực hiện nghĩa vụ của đương sự quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả của việc không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại các Điều 91, 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Th và anh L tự nguyện chung sống với nhau năm 1999, năm 2003 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BC, Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh nên công nhận đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn mỗi người sống mỗi nơi từ năm 2011 cho đến nay, không ai tìm cách giải quyết mâu thuẫn. Mặc dù, anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không lý do,

thể hiện việc anh L không mong muốn đoàn tụ. Xét thấy chị Th, anh L đã không chung sống với nhau thời gian dài, tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th đối với anh L là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Xét nguyên vọng của con chung Trần Diệu A, sinh ngày 06-3-2011 muốn sống cùng chị Th; con chung sống cùng chị Th từ năm 2011 cho đến nay nên để đảm bảo mọi mặt cho cháu Anh phát triển bình thường, ổn định; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Th: Giao con chung cho chị Th nuôi dưỡng, ghi nhận chị Th không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Riêng con chung Trần Anh K, sinh ngày 13-02-2000 đã thành niên tự lao động sinh sống nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Th phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc Th đối với anh Trần Đình L.

Chị Th, anh L không còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc Th được trực tiếp nuôi con chung Trần Diệu A, sinh ngày 06-3-2011.

Ghi nhận chị Th không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Con chung Trần Anh K, sinh ngày 13-02-2000 đã thành niên tự lao động sinh sống nên không đặt ra giải quyết.

Anh L được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và Gia đình, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh theo Biên lai thu số 0003906 ngày 02 tháng 12 năm 2019; (chị Th đã nộp xong án phí).

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- Chi cục THADS H.DMC;
- UBND xã BC;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thanh Tòng